



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Bến Tre

Số 03

Ngày 13 tháng 02 năm 2020

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

03-02-2020 Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ban hành Đề án quản lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bến Tre. 2

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2020/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 03 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề án quản lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Chương trình hành động số 29/CTr-TU ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Tỉnh Ủy về nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 102/TTr-STNMT ngày 14 tháng 01 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là Đề án).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai Đề án và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông Vận tải, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để thực

hiện nhiệm vụ được giao, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức triển khai thực hiện các nhóm giải pháp của Đề án có hiệu quả, tiết kiệm.

Sở Kế hoạch Đầu tư chủ trì trình bổ sung danh mục dự án đầu tư công trung hạn theo quy định. Sở Tài chính phối hợp cân đối bố trí nguồn vốn đảm bảo ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ của đề án trong khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

Căn cứ danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên phục vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoàn thành đến năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định này, các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổng hợp kinh phí thực hiện hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2020

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Đề án quản lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bến Tre
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Tính cấp thiết xây dựng Đề án

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, kèm theo lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt ngày một tăng gây sức ép cho công tác bảo vệ môi trường. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần XI (2015 - 2020) đưa ra quan điểm phát triển bền vững: phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là ba nhân tố để đạt đến phát triển bền vững. Theo đó, môi trường cần được bảo vệ để đáp ứng nhu cầu về chất lượng cuộc sống của nhân dân, nên cần giải quyết các vấn đề môi trường, đặc biệt là quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Tuy nhiên, nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng được bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt (phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý); rác thải sinh hoạt chưa được phân loại tại nguồn; thiết bị thu gom, phương tiện vận chuyển rác không đảm bảo kỹ thuật gây mất vệ sinh; hầu hết các bãi chôn lấp rác đều quá tải, gây ô nhiễm; không còn quỹ đất để tiếp tục quy hoạch chôn lấp rác với lượng rác phát sinh ngày một tăng; chưa áp dụng được công nghệ xử lý rác đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; kêu gọi đầu tư xã hội hóa xử lý rác thải chưa hiệu quả; ý thức chấp hành pháp luật của người dân bảo vệ môi trường về rác thải, phân loại, bỏ rác đúng nơi quy định chưa tốt. Nếu không có biện pháp hiệu quả và tăng cường công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt thì vấn đề ô nhiễm rác thải sẽ trầm trọng hơn trong thời gian tới.

Để giải quyết các vấn đề môi trường về chất thải rắn sinh hoạt, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành "Đề án Quản lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bến Tre" làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế, chính sách, đề xuất các giải pháp thực hiện và triển khai các nhiệm vụ, dự án ưu tiên để tăng cường công tác quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định pháp luật.

2. Căn cứ xây dựng Đề án

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Chương trình hành động số 29/CTr-TU ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Tỉnh ủy về nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Kế hoạch số 206-KH/TU ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị Khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.

3. Phạm vi, giới hạn của Đề án

- *Nội dung nghiên cứu*: Đánh giá thực trạng về tình hình phát sinh, công tác quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác sinh hoạt) trên địa bàn tỉnh; đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm đảm bảo các đơn vị thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; đảm bảo kinh tế, hiệu quả và dễ quản lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- *Đối tượng nghiên cứu*: lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; cơ sở hạ tầng, thiết bị thu gom, vận chuyển và xử lý; các điểm trung chuyển và bãi, nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang áp dụng; nguồn lực đầu tư cho công tác quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: được quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

Phần II

THỰC TRẠNG VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

1. Tình hình thực hiện quy hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Thực hiện Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Sở Xây dựng đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 về phê duyệt đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bến Tre đến năm 2030, theo hướng quy hoạch thành các khu xử lý tập trung để kêu gọi đầu tư gồm 4 khu: 01 khu liên hợp xử lý cấp tỉnh tại Châu Thành với diện tích 20 - 30ha, 3 khu xử lý liên huyện đặt tại Chợ Lách, Ba Tri, Thạnh Phú, với diện tích mỗi khu từ 5 - 10ha; riêng các bãi rác hiện hữu cải tạo, nâng cấp xử lý hợp vệ sinh trong giai đoạn ngắn hạn, về lâu dài khi đầu tư hoàn chỉnh các nhà máy xử lý sẽ chuyển thành các trạm trung chuyển hoặc đóng cửa hình thành các khu công viên cây xanh. Trên cơ sở đó, tỉnh giao Sở Xây dựng thực hiện vai trò đầu mối xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo quy hoạch; trong đó có việc đôn đốc chủ

đầu tư triển khai dự án nhà máy xử lý rác thải của tỉnh tại xã Hữu Định, huyện Châu Thành.

Tuy nhiên, tình hình kêu gọi đầu tư thực hiện theo quy hoạch đến nay còn nhiều khó khăn, bất cập; một số địa phương có chủ động kêu gọi đầu tư, nhưng thực tế chưa có nhà đầu tư triển khai dự án. Bến Tre có 08 bãi chôn lấp rác tập trung với tổng diện tích là 13,14 ha, chủ yếu được xử lý bằng phương pháp chôn lấp và kết hợp với đốt. Hầu hết các bãi chôn lấp hồ, chưa có hệ thống xử lý nước rỉ rác, không đảm bảo vệ sinh môi trường. Hiện nay đã thực hiện đóng cửa Bãi rác Phú Hưng Tp Bến Tre (2018) và đã nâng cấp, cải tạo bãi rác huyện Ba Tri (2017). Đang nâng cấp, cải tạo và xử lý ô nhiễm bãi rác huyện Bình Đại, Thạnh Phú bằng nguồn ngân sách tỉnh và hỗ trợ của Trung ương (Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg), dự kiến hoàn thành trong năm 2019. Bãi rác các huyện Giồng Trôm, Chợ Lách và Mỏ Cày Nam đang được cải tạo, nâng cấp bằng nguồn ngân sách địa phương. Nhà máy chế biến rác Bến Tre (công suất 200 tấn/ngày) tại xã Hữu Định, huyện Châu Thành, việc chậm tiến độ do từ phía chủ đầu tư, gây ra ô nhiễm do lưu trữ bãi rác tạm, gây bức xúc dư luận, đặc biệt là phản ứng người dân xung quanh nhà máy; Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã vào cuộc, có các chuyến khảo sát, giám sát, kiểm tra tiến độ tại nhà máy, thông qua đó đã có chỉ đạo quyết liệt nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường, xử lý nghiêm nếu chủ đầu tư tiếp tục vi phạm tiến độ.

Thời gian qua, công tác quản lý chất thải rắn được tỉnh xác định là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra và có quan tâm thực hiện. Công tác quản lý, kiểm soát chất thải rắn sinh hoạt được lồng ghép vào Chương trình, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, các kế hoạch, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được quán triệt sâu rộng đến các cấp, các ngành. Việc quản lý được thực hiện đảm bảo tuân thủ theo các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai quy hoạch, tỉnh gặp những khó khăn, vướng mắc như: Kinh phí đầu tư cho công tác quản lý về chất thải rắn còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu tình hình thực tế tại địa phương. Một số địa phương còn xảy ra tình trạng phát sinh bãi chứa rác thải tự phát, không theo quy hoạch, điều này gây khó khăn cho công tác triển khai thực hiện quy hoạch.

2. Tình hình phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Theo thống kê, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị (*bao gồm thành phố Bến Tre, các đô thị huyện và đô thị trung tâm xã*) trên địa bàn tỉnh phát sinh được thu gom trong năm 2018 khoảng 85.583 tấn/năm (*trung bình 234 tấn/ngày, trong đó Tp Bến Tre và các khu vực lân cận khoảng 180 tấn/ngày, mỗi huyện thu gom khoảng 10 - 40 tấn/ngày*). Việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Tp Bến Tre, huyện Châu Thành và khu vực lân cận được thực hiện thông qua Công ty cổ phần công trình đô thị Bến Tre, chi phí cho việc thu gom, vận chuyển đối với hộ gia đình tối đa là 25.000 đồng/tháng và 50.000 - 100.000 đồng/tháng đối với hộ kinh doanh. Đánh giá chung cho thấy các phương tiện vận chuyển đảm bảo không rơi vãi, rò rỉ.

Tại các huyện còn lại chủ yếu thông qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các huyện thu gom trong khu vực nội thị và tại một số chợ; do điều kiện kinh phí tại các huyện còn hạn chế nên việc mở rộng địa bàn thu gom còn gặp rất nhiều khó khăn. Tại các xã, có thành lập tổ dịch vụ thu gom rác để thu gom rác của khu vực chợ, các cơ quan và hộ dân khu vực trung tâm xã. Chi phí cho việc thu gom, vận chuyển đối với hộ gia đình tối đa là 22.000 đồng/tháng và 40.000 - 90.000 đồng/tháng đối với hộ kinh doanh. Đánh giá chung cho thấy các phương tiện vận chuyển chưa đảm bảo không để rơi vãi rác thải, rò rỉ nước thải trong quá trình vận chuyển.

Theo số liệu thống kê của các xã trên địa bàn tỉnh, đến tháng 6 năm 2019 có 9,8% hộ nằm trên tuyến đường thu gom đăng ký dịch vụ thu gom rác; có 76,9% rác thải sinh hoạt của các hộ nằm xa tuyến đường thu gom (sâu trong vườn) được thu gom, xử lý bằng nhiều biện pháp như phân loại, ủ phân compost, chôn lấp hợp vệ sinh và đốt.

Nhìn chung, vấn đề thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại các huyện chưa đạt yêu cầu, vẫn còn các bãi rác tự phát dọc hai bên đường, hình thức tự chôn hoặc đốt còn phổ biến ở nhiều khu vực trong tỉnh. Hiện tượng thải rác bừa bãi làm ô nhiễm môi trường, nhất là vào mùa mưa vẫn còn diễn ra.

Tỉnh đã triển khai trên phạm vi nhỏ (cấp xã) các mô hình phân loại rác tại nguồn phân phế liệu (bán ve chai), phần hữu cơ dễ phân hủy ủ phân compost bón cho cây trồng và chôn lấp hợp vệ sinh đối với rác khó phân hủy. Nhìn chung các mô hình phát huy hiệu quả trong việc tuyên truyền ý thức phân loại và xử lý rác thải đến người dân. Tuy nhiên, việc phân loại rác tại nguồn chưa hiệu quả do cần phải có sự đồng bộ về cơ sở hạ tầng từ việc thu gom, vận chuyển và xử lý. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có hệ thống thu hồi, tái chế, tái sử dụng rác thải đô thị. Việc phân loại chủ yếu được thực hiện dưới hình thức thu gom những vật liệu có thể bán được (nhôm, sắt, thép, đồ nhựa...) để bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

Bến Tre chưa xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh, tất cả lượng rác thải được thu gom đều được xử lý bằng hình thức thải đổ tại các bãi rác hở có diện tích nhỏ, khoảng cách đến nhà dân, công trình chưa đảm bảo. Hiện toàn tỉnh có 08 bãi xử lý chất thải rắn đang hoạt động chủ yếu phục vụ xử lý chất thải rắn cho các khu vực đô thị, có 3 bãi rác được trang bị hệ thống thu gom nước rỉ rác, nhưng chưa triệt để, đó là khu xử lý chất thải rắn huyện Mỏ Cày Nam, Giồng Trôm và huyện Ba Tri.

Toàn bộ lượng rác thu gom trên địa bàn thành phố Bến Tre, huyện Châu Thành và khu vực lân cận được chuyển về Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre (xã Hữu Định). Đối với một số huyện có hệ thống thu gom và có bãi rác thì rác được vận chuyển tới bãi rác và đổ lộ thiên, để phân hủy tự nhiên có kết hợp phun chế phẩm EM để hạn chế mùi hôi.

Nhìn chung, công tác xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Bến Tre còn gặp rất nhiều khó khăn nhất là thiếu nguồn kinh phí để nâng cấp, cải tạo các bãi rác hiện hữu, cũng như đầu tư xây dựng các khu xử lý rác thải mới. Việc xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn, bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh và xây dựng hệ thống xử lý nước rỉ rác

tỉnh vẫn đang tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, đồng thời tăng cường công tác kêu gọi xã hội hóa các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh.

3. Tình hình, kết quả thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt

3.1. Chính sách quản lý chất thải tại địa phương

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định, kế hoạch để cụ thể hóa việc tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý chất thải rắn như: Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2017 về đơn giá thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn đô thị; Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt, sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Bến Tre đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và các văn bản có liên quan khác.

3.2. Tổ chức bộ máy quản lý

Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu.

Để thống nhất quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham mưu trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, nghị quyết có lồng ghép nội dung quản lý về rác thải sinh hoạt. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND là căn cứ để đề các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu mà Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đặt ra. Theo đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ môi trường của các cơ sở xử lý chất thải rắn; chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng tổ chức điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm tại các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và đề xuất cơ chế, chính sách; báo cáo tình hình thực hiện hoạt động quản lý liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt thuộc lĩnh vực được phân công; chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Xây dựng xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường tại các khu xử lý chất thải rắn; chủ trì, hướng dẫn các huyện/thành phố thực hiện vệ sinh môi trường về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp tổ chức lập, thẩm định, công bố đồ án quy hoạch chuyên ngành về quản lý chất thải rắn; phối hợp Sở Tài chính lập kế hoạch chi ngân sách hằng năm cho công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt; chỉ đạo thanh tra xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và xử lý vi phạm hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn xây dựng, áp dụng định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Tổ chức điều hành, quản lý chất thải rắn sinh hoạt gồm:

- Cấp tỉnh:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Sở Xây dựng;

+ Các sở, ban, ngành khác: Sở Công thương có Phòng Kỹ thuật an toàn môi trường; các Sở Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đều có bộ phận chuyên môn thực hiện chức năng bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành. Ban Quản lý các khu công nghiệp có Phòng Quản lý môi trường thực hiện công tác quản lý môi trường trong các khu công nghiệp của tỉnh; công an tỉnh có phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường.

- Cấp huyện:

+ Ủy ban nhân dân huyện/thành phố;

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thành phố;

+ Phòng Kinh tế hạ tầng huyện/thành phố;

- Cấp xã: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.

Việc phân bổ ngân sách dành phần lớn cho công tác thu gom, vận chuyển nên chi phí đầu tư cho xử lý, tiêu hủy còn rất thấp.

Trong thời gian qua, thực hiện theo Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tỉnh cũng đã bố trí một phần nguồn ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, nguồn kinh phí phân bổ hàng năm còn thấp, chưa có sự đầu tư lớn để thực hiện các công trình, dự án nhằm khắc phục ô nhiễm, xử lý chất thải rắn sinh hoạt mà chủ yếu là cải tạo, nâng cấp một số bãi rác, trang bị dụng cụ thu gom rác. Cụ thể:

TT	Năm	Kinh phí sự nghiệp môi trường (triệu đồng)
1	2014	22.568
2	2015	25.142
3	2016	22.601
4	2017	24.145
5	2018	66.801

Việc thu phí vệ sinh (rác sinh hoạt) thực hiện theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre và Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên nguồn thu chỉ để trang trải cho chi phí thu gom, vận chuyển, việc chi trả cho công tác xử lý phải do tỉnh hỗ trợ hằng năm.

Xã hội hóa nguồn lực tài chính: Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã triển khai xây dựng được 01 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung công suất 200 tấn/ngày (Nhà

máy xử lý rác Bến Tre) bằng nguồn ngoài ngân sách. Khi nhà máy hoàn thành đi vào hoạt động tháng 12/2019 sẽ góp phần giải quyết khó khăn, bức xúc ở các địa phương.

3.3. Hạ tầng kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị

Bến Tre có 08 bãi xử lý chất thải rắn đang hoạt động chủ yếu phục vụ xử lý cho các khu vực đô thị, tuy nhiên hiện nay mới chỉ có 03 bãi rác được trang bị hệ thống thu gom nước rỉ rác, đó là bãi rác huyện Mỏ Cày Nam và bãi rác huyện Giồng Trôm và bãi rác huyện Ba Tri; các bãi rác còn lại không có lớp lót đáy, không có hệ thống thu gom nước rỉ rác.

Có 05 huyện/thành phố có phương tiện chuyên dụng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến nơi xử lý (thành phố Bến Tre, Châu Thành và Giồng Trôm, Mỏ Cày Nam, Ba Tri). Các huyện còn lại phương tiện thu gom, vận chuyển chủ yếu là xe tải hoặc xe bán tải chưa đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý. Trên địa bàn thành phố Bến Tre có 07 trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh.

Theo thống kê sơ bộ trên địa bàn tỉnh có 117/164 xã có tổ, đội thu gom rác chủ yếu bằng các phương tiện tự chế để thu gom rác của các cơ quan, chợ và hộ dân nằm ở khu trung tâm xã về bãi rác huyện hoặc xã để xử lý.

Việc thu gom rác thải sinh hoạt từ hộ dân chuyên đến bãi rác thực hiện bằng thủ công với trang thiết bị hỗ trợ cũ kỹ thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu đặc biệt đối với tuyến huyện và xã. Việc đầu tư các dự án về xử lý chất thải áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường để tiến đến mục tiêu là giảm chôn lấp và đốt rác được tỉnh rất quan tâm mời gọi đầu tư, tuy nhiên phần các dự án đầu tư hiện nay cũng chỉ dùng phương pháp chôn lấp hoặc đốt là chủ yếu.

3.4. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng, người dân và doanh nghiệp

Lồng ghép tuyên truyền, phổ biến giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng, người dân và doanh nghiệp trong thu gom, xử lý chất thải rắn qua các sự kiện lớn về môi trường như: Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, hưởng ứng “Giờ Trái đất”; tổ chức nhiều lớp tập huấn về bảo vệ môi trường cho cán bộ các cấp, ngành, các xã, người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, thực hiện chuyên mục tài nguyên và môi trường trên Đài phát thanh truyền hình Bến Tre, phát hành bản tin môi trường hằng năm, trang tin tài nguyên và môi trường trên website Sở Tài nguyên và Môi trường. Các đoàn thể như thanh niên, nông dân tuyên truyền thông qua các mô hình xử lý rác hộ gia đình, lồng ghép trong chương trình xây dựng nông thôn mới ở các xã, Ủy ban nhân dân xã thực hiện vệ sinh đường làng, ngõ xóm định kỳ hằng tháng... Qua công tác truyền thông đã nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của các cấp, ngành, đoàn thể, xem công tác quản lý rác thải sinh hoạt là nhiệm vụ quan trọng và đã có những đóng góp tích cực trong công tác bảo vệ môi trường; người dân nhận thức được trách nhiệm của mình về bảo vệ môi trường, nhưng vẫn hạn chế lớn là người dân vẫn né tránh thực hiện bảo vệ môi trường qua các hoạt động, sinh hoạt hàng ngày.

3.5. Thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra công tác bảo vệ môi trường các bãi chôn lấp cấp huyện. Qua kiểm tra, hầu hết các bãi chôn lấp rác hình thành từ trước đây, đều quá tải và không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đã nhắc nhở yêu cầu đơn vị vận hành tăng cường phun xịt chế phẩm để hạn chế mùi, ruồi.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 1139/QĐ-UBND về xử phạt vi phạm hành chính đối với một Công ty xử lý rác và nhắc nhở nhiều đơn vị.

4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- *Về nhân lực:* số lượng cán bộ quản lý nhà nước về môi trường nói chung và đối với lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt còn mỏng (cấp tỉnh chưa đến 01 biên chế chuyên trách quản lý về chất thải rắn, cán bộ kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ), trong khi đó lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt ngày một tăng theo chiều hướng phát triển kinh tế xã hội, gây sức ép cho công tác bảo vệ môi trường.

Nguồn lực nhân sự của các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; lao động trực tiếp vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải chưa được đảm bảo an toàn sức khỏe, lương chưa tương xứng với công việc.

- *Về nguồn lực tài chính đầu tư:* Tỉnh dành quỹ đất cho đầu tư xử lý rác là rất ít (tổng diện tích trên địa bàn tỉnh là 13,14 ha), trong khi theo quy hoạch xử lý chất thải rắn phải dành diện tích đất từ 35 - 60ha để đầu tư 4 khu xử lý chất thải tập trung. Công tác đầu tư chưa đáp ứng được bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt (năm 2018 ngân sách sự nghiệp môi trường chi trả hỗ trợ khoảng 66 tỷ đồng/ năm cho các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý rác trên tỉnh); trường hợp nếu xử lý rác thải hoàn toàn theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường không phải chôn lấp lộ thiên thì chi phí đầu tư xử lý rác sẽ tăng cao gấp nhiều lần. Hiện tại thu giá xử lý rác thải trên tỉnh chỉ mới đáp ứng một phần cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác.

- *Công tác quản lý phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý:* rác thải sinh hoạt chưa được phân loại tại nguồn; thiết bị thu gom, phương tiện vận chuyển rác không đảm bảo kỹ thuật gây mất vệ sinh; hầu hết các bãi chôn lấp rác đều quá tải, gây ô nhiễm; không còn quỹ đất để tiếp tục quy hoạch chôn lấp rác với lượng rác phát sinh ngày một tăng; kêu gọi đầu tư xã hội hóa xử lý rác thải chưa hiệu quả.

Trước thực trạng các bãi rác ô nhiễm nghiêm trọng, đây thuộc lĩnh vực công ích nên từ ngân sách nhà nước (Trung ương 50%) đầu tư giải quyết ô nhiễm 04 bãi rác tại các huyện Bình Đại, Thạnh Phú, Ba Tri và đóng cửa bãi rác Phú Hưng. Kết quả đã khắc phục được ô nhiễm, đặc biệt là đóng cửa bãi rác Phú Hưng, tuy nhiên bãi rác các huyện sau khi khắc phục ô nhiễm lại tiếp tục tiếp nhận rác hàng ngày và xử lý không đảm bảo dẫn đến môi trường bị ô nhiễm trở lại.

Một số ngành, cấp chưa thực hiện hết nhiệm vụ, chức năng quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt; qua một thời gian dài công tác đầu tư nguồn lực xử lý rác thải chưa được xem trọng; cấp tỉnh, huyện chưa tăng cường đẩy mạnh được công tác quản lý rác thải; cấp xã thiếu kiểm tra, giáo dục để người dân chấp hành pháp luật về quản lý rác thải nên vẫn còn tình trạng bãi rác tự phát, người dân vứt rác không đúng nơi quy định.

- *Về cơ chế, chính sách*: một số cơ chế, chính sách đã được ban hành cần phải cập nhật điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế như quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác; định mức giá cho nhà đầu tư xử lý rác; chưa quy định cụ thể về trách nhiệm đầu tư, bố trí kinh phí cho xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương.

Phần III

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN

1. Các định hướng chung

- Phù hợp với các quy định của pháp luật, các cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến hoạt động quản lý bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt các cấp từ cấp Trung ương đến tỉnh Bến Tre.

- Phù hợp theo định hướng phát triển bền vững, đạt được ba nhân tố là phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường; xây dựng tỉnh Bến Tre với môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Bảo đảm phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Việc thu gom, vận chuyển và xử lý phải ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp nhằm không gây mất mỹ quan đô thị, ô nhiễm môi trường; hạn chế việc chôn lấp để tiết kiệm tài nguyên đất.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, xây dựng, tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre, góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe nhân dân và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai chương trình, dự án, kế hoạch phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt cho tỉnh Bến Tre phù hợp với điều kiện thực tế.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đơn vị tham gia và nhân dân trong công tác phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tăng cường xã hội hóa trong thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo đúng các quy định hiện hành.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025:

- Trên 95,5% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (trong đó, Tp Bến Tre trên 97%, các huyện trên 95%); trên 80% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tích hợp nội dung quản lý rác thải vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kêu gọi xã hội hóa và đầu tư công nghệ xử lý rác đạt theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường bãi rác hiện hữu ở các huyện; xóa các bãi rác tạm cấp xã để thay thế vào đó là các trạm trung chuyển rác hợp vệ sinh; mở rộng mạng lưới thu gom, vận chuyển rác đến các xã trên địa bàn toàn tỉnh.

- Cơ sở hạ tầng, thiết bị, phương tiện cơ bản đáp ứng phục vụ cho phân loại, thu gom, lưu trữ (trung chuyển), vận chuyển và xử lý rác.

- Triển khai được mô hình phân loại rác tại nguồn, đến năm 2025 áp dụng rộng trên toàn tỉnh.

- Tuyên truyền sâu rộng, huy động sự tham gia tích cực, hiệu quả, có trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và người dân trong quản lý rác thải.

Đến năm 2030:

- Trên 98,5% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; trên 90% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng 01 khu liên hợp xử lý rác thải tập trung, xử lý rác thải cho toàn tỉnh Bến Tre (khu liên hợp xử lý rác thải tập trung được quy hoạch đặt tại huyện Giồng Trôm hoặc huyện Mỏ Cày Nam); các bãi rác, nhà máy xử lý rác hiện hữu sẽ được thay thế bằng các trạm trung chuyển rác.

- Nhận thức và sự chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý rác thải của nhân dân trong tỉnh cao; môi trường đô thị và nông thôn xanh - sạch - đẹp.

3. Các nhiệm vụ thực hiện

3.1. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt các cấp từ cấp tỉnh đến cấp xã (xã, phường, thị trấn).

3.2. Đầu tư, xây dựng và cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nhằm khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải trên địa bàn tỉnh; đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho hoạt động xử lý chất thải rắn.

3.3. Xây dựng mô hình phân loại rác tại nguồn, vận chuyển và xử lý chất phù hợp với điều kiện thực tế tại tỉnh Bến Tre, với điều kiện phù hợp cho vùng nông thôn, đô thị, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

3.4. Tăng cường và đa dạng hóa các hình thức truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và toàn thể nhân dân; cán bộ nhân viên làm công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

3.5. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong việc quản lý và xử lý chất rắn.

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Xây dựng và bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách

Giai đoạn từ nay đến hết năm 2025 cần tập trung xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; hướng dẫn áp dụng các cơ chế khuyến khích, xã hội hóa nhằm thu hút, tăng cường đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách vào các công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ thân thiện môi trường.

- Tích hợp nội dung quản lý chất thải rắn tỉnh Bến Tre vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện; trong đó bổ sung mạng lưới các trạm trung chuyển rác.

- Điều chỉnh giá dịch vụ phù hợp theo điều kiện thực tế, từng bước có lộ trình tiến đến mức thu đủ chi cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng định mức giá cho đơn vị tiếp nhận xử lý rác thải, điều kiện tiêu chuẩn công nghệ, chính sách ưu đãi để kêu gọi đầu tư.

- Xây dựng quy định (hoặc hướng dẫn) phân loại rác tại nguồn; sổ tay hướng dẫn quản lý rác thải.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt các cấp, theo hướng cơ quan đầu mối là ngành tài nguyên và môi trường.

- Thực hiện lồng ghép việc triển khai các nhiệm vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh.

4.2. Đầu tư và cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn

a) Xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác tập trung ở các huyện, các bãi rác tạm cấp xã

Thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, đóng cửa bãi rác xã Tân Thanh huyện Giồng Trôm năm 2020 - 2021, Nâng cấp, cải tạo và xử lý ô nhiễm bãi rác thị trấn Chợ Lách vào năm 2020 - 2021; cải tạo và xử lý ô nhiễm bãi rác các huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú, Mỏ Cà Nham.

Các huyện, thành phố tiến hành rà soát các bãi rác tạm cấp xã, điểm chứa rác gây ô nhiễm môi trường để tiến hành xử lý ô nhiễm và không tiếp nhận rác thải để xóa điểm ô nhiễm.

b) Xây dựng mạng lưới thu gom rác, trạm trung chuyển rác

Mỗi huyện, thành phố phải thiết lập mạng lưới vận chuyển, trung chuyển rác; xác định các địa điểm xây dựng trạm trung chuyển rác để thực hiện đầu tư xây dựng; việc đầu tư xây dựng trạm trung chuyển rác phù hợp với điều kiện thực tế, đạt theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (QCVN 07-9:2016/BXD), đảm bảo về khoảng cách không ảnh hưởng môi trường đến trường học, dân cư, các cơ quan, đơn vị tiếp giáp. Lưu ý việc đầu tư trạm trung chuyển rác theo nhu cầu hiện tại, nghĩa là có rác cần có trạm trung chuyển rác thì mới đầu tư xây dựng.

Các huyện, thành phố chỉ đạo, phối hợp với đơn vị dịch vụ thu gom rác tiến hành mở rộng mạng lưới thu gom rác đến các xã trên địa bàn huyện, thành phố, vận chuyển rác đến khu xử lý rác tập trung để xử lý.

c) Thiết bị thu gom, phương tiện vận chuyển

Nhà nước hỗ trợ một phần đầu tư các trang thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và từng bước tiến đến xã hội hóa hoàn toàn; các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác phải từng bước đầu tư các trang thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2025 các phương tiện vận chuyển (xe vận chuyển, xe ép rác, xe đẩy rác) đạt theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường và số lượng đáp ứng cho nhu cầu thu gom vận chuyển rác. Các xã, phường, thị trấn bố trí các thùng bỏ rác, thùng phân loại rác (khi có yêu cầu phân loại rác tại nguồn); vị trí bố trí phải có tính toán đảm bảo mỹ quan đô thị, tiện lợi cho người dân bỏ rác đúng nơi quy định.

4.3. Xây dựng mô hình phân loại rác tại nguồn

Xây dựng và triển khai dự án phân loại rác thải tại nguồn; áp dụng hình thức mô hình, đánh giá hiệu quả và nhân rộng; mô hình phân loại rác thải tại nguồn hộ gia đình ở nông thôn với cách xử lý rác thải hữu cơ dễ phân hủy tại chỗ (tại hộ gia đình hoặc cụm), rác thải khó phân hủy như nhựa, túi nilong, thủy tinh... với thu gom phế liệu tái chế được ưu tiên, rác thải còn lại được thu gom vận chuyển đến khu tập trung xử lý; phân loại rác thải sinh hoạt đô thị tại nguồn thực hiện đồng bộ với đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị thu gom, vận chuyển, công nghệ xử lý và điều kiện thực tế.

4.4. Đầu tư khu liên hợp, khu xử lý rác thải tập trung

Lập dự án xây dựng 01 khu liên hợp xử lý rác thải tập trung, xử lý rác thải cho toàn tỉnh Bến Tre, kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa, xử lý rác theo công nghệ tiên tiến, không sử dụng diện tích đất để chôn lấp, đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, không gây ảnh hưởng đến người dân sống xung quanh; có chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân gần khu xử lý rác di dời đến chỗ ở mới để tránh bị ảnh hưởng (người dân vẫn sử dụng đất gần khu vực xử lý rác để sản xuất, không sử dụng đất cho ở và nội dung này được xem xét điều chỉnh trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất).

4.5. Tuyên truyền và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường

Xây dựng chương trình, tài liệu, sổ tay tổ chức tuyên truyền, tập huấn và bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp ngành và nhân dân về bảo vệ môi trường đối với rác thải sinh hoạt; phát động các phong trào thu gom, xử lý rác.

Phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình thực hiện phân loại, thu gom chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định; tham gia bảo vệ môi trường công cộng và dân cư.

Giáo dục cho học sinh các cấp về bảo vệ môi trường bằng hình thức lồng ghép vào các chương trình giáo dục, sinh hoạt ngoại khóa; triển khai các mô hình thiết thực bảo vệ môi trường tại các điểm sinh hoạt, nhà trường để giáo dục học sinh.

4.6. Giải pháp về đầu tư, tài chính

a) Nguồn vốn thực hiện Đề án, bao gồm:

- Ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA) theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.
- Vốn tự có của đơn vị sự nghiệp nhà nước: từ các nguồn thu giá vận chuyển, thu gom, xử lý rác và từ các nguồn thu hợp pháp khác.
- Vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hình thức xã hội hóa: theo hình thức đầu tư tài trợ trực tiếp cho các dự án thông qua nguồn vốn hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) để xử lý rác thải.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Trách nhiệm và phạm vi đầu tư kinh phí:

Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với công tác xử lý ô nhiễm môi trường (dự án khắc phục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng) theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Các nội dung chi khác cho công tác quản lý, xử lý chất thải, các hoạt động bảo vệ môi trường (ngoài nội dung đã được ngân sách tỉnh hỗ trợ) được thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ: chi phí phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải phát sinh từ cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng; hỗ trợ bù chi phí theo đơn giá cho các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý rác.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; thu hút dự án đầu tư xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

4.7. Thực thi có hiệu quả các công cụ quản lý môi trường

Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định công nghệ, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các cơ sở xử lý chất thải.

Phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, lực lượng Cảnh sát môi trường và Ủy ban nhân dân các cấp trong thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý đối với các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoạt động trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường; đồng thời tăng cường giám sát, phát hiện và xử lý đối với hộ gia đình, cá nhân có hành vi vi

phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (kể cả hành vi vứt rác, xả rác ra môi trường, bỏ rác không đúng nơi quy định,...).

4.8. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường nhằm tái chế chất thải, giảm chôn lấp, đảm bảo quy chuẩn quốc gia về môi trường; có suất đầu tư, chi phí xử lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý rác thải phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội hiện nay.

- Tổ chức thẩm định, đánh giá và phổ biến công nghệ tái chế, xử lý chất thải đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của các viện nghiên cứu, trường đại học có thể áp dụng vào thực tế cho tỉnh.

4.9. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Tìm kiếm hợp tác quốc tế trong việc tiếp nhận, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; trong học tập, trao đổi kinh nghiệm, đào tạo nguồn nhân lực về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, xử lý chất thải thông qua các chương trình, đề tài, dự án hợp tác quốc tế.

Phần IV

CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẾN NĂM 2025, NĂM 2030

4.1. Đề án xác định đến năm 2025, gồm 18 nhiệm vụ, dự án ưu tiên triển khai để thực hiện công tác quản lý về chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, cụ thể Phụ lục 2.

Tổng kinh phí dự kiến: 444,7 tỷ đồng; trong đó chi phí bù giá nhà nước phải hỗ trợ trả cho các đơn vị thực hiện xử lý rác thải dự kiến khoảng là 150 tỷ đồng/ 05 năm (trường hợp có tăng điều chỉnh tăng giá dịch vụ vệ sinh thu gom, vận chuyển và xử lý rác theo lộ trình 2 năm thực hiện một lần, mỗi lần tăng 30%).

4.2. Định hướng đến năm 2030, dự án ưu tiên là xây dựng 01 khu liên hợp xử lý rác thải tập trung, xử lý rác thải cho toàn tỉnh Bến Tre, hình thức kêu gọi đầu tư, xã hội hóa.

4.3. Nguồn kinh phí: ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Kinh phí thực hiện sẽ được tính toán và phê duyệt chi tiết dựa theo nhu cầu đầu tư của từng nhiệm vụ, dự án và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngân sách và đầu tư xây dựng.

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Là cơ quan thường trực, đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nội dung theo phân công tại Đề án.

Hàng năm tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Đề án để kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh những tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Phối hợp Sở Tài chính thẩm định nhu cầu vốn sự nghiệp môi trường, tham mưu thông qua Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cân đối kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm cho quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Hướng dẫn kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, tập kết, trung chuyển, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng và các sở ngành đánh giá hiện trạng rác thải; lập và triển khai dự án thí điểm phân loại rác tại nguồn, tiến đến nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với lực lượng Cảnh sát môi trường và Ủy ban nhân dân các cấp tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác chấp hành Luật bảo vệ môi trường, các quy định đối với các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn chính quyền cấp cơ sở theo dõi, kiểm tra cá nhân, hộ gia đình có hành vi vi phạm bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị có liên quan cập nhật nội dung quản lý chất thải rắn tỉnh vào quy hoạch tỉnh Bến Tre trong thời gian tới; triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư thí điểm (yêu cầu về công nghệ, chi phí đầu tư...); tổng hợp nhu cầu và lập danh mục các nhiệm vụ, dự án đầu tư xử lý chất thải rắn hàng năm, 05 năm; lựa chọn, lập danh mục, đề xuất các nhiệm vụ, dự án ưu tiên đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt định mức kỹ thuật, định mức kinh tế về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xuất vốn đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn, làm căn cứ tổ chức đấu thầu, đặt hàng thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó chú trọng nội dung quản lý chất thải rắn; trên cơ sở đề xuất của các ngành, địa phương thực hiện tổng hợp danh mục về xử lý chất thải rắn đưa vào các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh; hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư khi đầu tư vào lĩnh vực xử lý chất thải rắn theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính

Đề xuất việc phân bổ vốn ngân sách hàng năm (theo nguồn vốn) để thực hiện Đề án, đảm bảo cho hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo đúng quy định về quản lý ngân sách.

Có ý kiến thẩm định bằng văn bản liên quan đến phương án giá dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý rác thải khi các sở chuyên ngành lập, xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh.

5. Sở Khoa học và công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan trong công tác thẩm định, lựa chọn công nghệ và thiết bị xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo tính tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường và phù hợp với và điều kiện kinh tế của tỉnh.

Nghiên cứu khoa học, theo dõi cập nhật thông tin về các thành tựu nghiên cứu khoa học và các công nghệ mới được áp dụng hiệu quả ở trong nước và trên thế giới đối với lĩnh vực xử lý chất thải, để đề xuất áp dụng trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh các cấp, lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn sinh hoạt vào các môn học thích hợp (Giáo dục công dân, sinh học, hóa học,...), buổi sinh hoạt ngoại khóa, các cuộc thi,...; xây dựng mô hình nhà trường thân thiện môi trường, nâng cao nhận thức và hành động của các em học sinh về bảo vệ môi trường.

7. Công an tỉnh

Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện và xử phạt các vi phạm hành chính hoặc điều tra khởi tố nếu có dấu hiệu tội phạm về môi trường; hướng dẫn triển khai đến lực lượng Công an cấp xã về theo dõi, kiểm tra đến các cá nhân, hộ gia đình có hành vi vi phạm vứt rác, thải bỏ chất thải không đúng quy định và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường phải được xử lý để răn đe, giáo dục.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn sinh hoạt đến nhân dân trong tỉnh; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường xanh - sạch - đẹp.

9. Các Sở, ban, ngành khác của tỉnh

Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Đề án và nội dung ở Phụ lục 2 kèm theo đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao theo đúng quy định của pháp luật.

10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện (huyện, thành phố)

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án này; thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương theo sự phân cấp; quyết định phương thức cung ứng dịch vụ công ích đối với hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc dự toán chi ngân sách của địa phương; xử lý ô nhiễm, lộ trình đóng cửa bãi rác cấp xã, xây dựng mạng lưới thu gom rác, trạm trung chuyển rác; hỗ trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác; bù giá dịch vụ xử lý rác theo hợp đồng quy định.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải cho người dân trên địa bàn.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và lực lượng quản lý trật tự đô thị các cấp tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, quản lý vệ sinh môi trường trên địa bàn theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

Chủ động rà soát, thống kê tình hình quản lý về chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để làm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân.

11. Trách nhiệm của Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Đồng Khởi

Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng tại các chuyên mục, phóng sự, chương trình chuyên đề và lồng ghép trong các thể loại chương trình khác. Tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng dân cư tham gia tích cực vào các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Nhà sạch, vườn đẹp”, “Gương người tốt, việc tốt”,... Công khai các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của tỉnh để mọi người biết, không vi phạm.

12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải rắn sinh hoạt đến cộng đồng dân cư; xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên tại địa phương để tuyên truyền, vận động người dân giữ gìn tốt vệ sinh môi trường tại gia đình và nơi công cộng.

Phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình thực hiện thu gom, chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường công cộng và khu dân cư.

Xây dựng các điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt, bố trí thùng rác, đảm bảo mỹ quan chung để phục vụ việc thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt sinh hoạt.

Phối hợp với các đơn vị dịch vụ công ích, vệ sinh môi trường tổ chức thực hiện công tác thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý; kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và nộp giá vệ sinh

theo quy định; kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm về vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

Thành lập và phát triển tổ hợp tác thu gom rác thải, tổ tự quản vệ sinh môi trường tại thôn/xóm khu vực xa xôi, giao thông không thuận tiện để tăng cường hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

13. Trách nhiệm của các đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường, xử lý rác thải

Tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật trong hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; thực hiện hàng ngày việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các tổ chức, hộ gia đình, nơi công cộng, các điểm tập kết rác thải về bãi chôn lấp/cơ sở xử lý theo quy định; đồng thời có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thu gom, vận chuyển, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Trường hợp trên đường phố, nơi công cộng có đất, cát, phế thải xây dựng rơi vãi làm mất vệ sinh và mất an toàn giao thông, đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn phải chủ động khắc phục ngay khi kiểm tra hoặc có thông tin phát hiện.

Không thu gom và vận chuyển chất thải trong giờ cao điểm, có mật độ đông người ở đô thị. Trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, đi đúng tuyến đường, không làm rò rỉ, phát tán chất thải; khi đi vào khu vực xử lý chất thải phải tuân thủ quy định của đơn vị quản lý khu xử lý chất thải.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn để thu phí vệ sinh theo quy định. Theo dõi, kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với việc đổ chất thải rắn không đúng nơi quy định, làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông hoặc các vi phạm khác về quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn.

Đơn vị được giao quản lý, vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn/cơ sở xử lý chất thải rắn: có trách nhiệm thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường. Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường, quan trắc môi trường đúng theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn của khu vực xử lý và xung quanh.

14. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình

Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, nơi công cộng do chính quyền và các đoàn thể địa phương phát động.

Thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến đúng nơi quy định; nộp đủ và đúng hạn phí bảo vệ môi trường và phí vệ sinh theo quy định.

15. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường công tác phối hợp, huy động đa dạng các nguồn lực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, bỏ rác đúng nơi quy định, giảm sử dụng rác thải nhựa, túi nilong; thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội về các vấn đề bảo vệ môi trường.

Kèm theo:

- Phụ lục 1. Thông tin về cơ sở xử lý chất thải rắn và các dự án xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

- Phụ lục 2. Danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt hoàn thành đến năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiêm túc triển khai thực hiện Đề án này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ CÁC DỰ ÁN
XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Bảng 1. Thông tin về cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên cơ sở xử lý/ Nhà máy/Bãi chôn lấp	Địa chỉ, diện tích	Phạm vi tiếp nhận	Công suất thiết kế/ công suất thực tế	Công nghệ xử lý	Thời gian bắt đầu vận hành	Chi phí xử lý	Tình trạng hoạt động
1	Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre	Xã Hữu Định; 4,229ha	TP. Bến Tre và huyện Châu Thành	200 (T/ngày)/ 120 (T/ngày)	Ủ vi sinh, sản xuất phân hữu cơ, đốt	8/2018	9 (USD)	Vận hành thử, dây chuyền phân loại, hầm ủ
2	Bãi rác huyện Mỏ Cày Nam	Ấp An Phong, xã An Thạnh; 1,2 ha	huyện Mỏ Cày Nam		Bãi chôn lấp lộ thiên	2010		Đang hoạt động
3	Bãi rác thị trấn Bình Đại và các xã lân cận	Xã Lộc Thuận, Phú Thuận, Thừa Đức; 2,436ha	huyện Bình Đại		Bãi chôn lấp lộ thiên	2010		Đang hoạt động
4	Bãi rác thị trấn Chợ Lách	Khu phố II, thị trấn Chợ Lách; 0,6ha	huyện Chợ Lách		Bãi chôn lấp lộ thiên	2007		Đang hoạt động
5	Bãi rác thị trấn Thạnh Phú	Thị trấn Thạnh Phú; 2,0ha	huyện Thạnh Phú		Bãi chôn lấp lộ thiên	2014		Đang hoạt động
6	Bãi rác huyện Ba Tri	Xã An Hiệp; 4,8ha	huyện Ba Tri		Bãi chôn lấp lộ thiên	2013		Đang hoạt động
7	Bãi rác	Xã Phước	huyện		Bãi			

	chợ Ba Vát	Mỹ Trung, huyện Mỏ Càyl Bắc; 0,053ha	Mỏ Càyl Bắc		chôn lấp lộ thiên	2008		Đang hoạt động
8	Bãi rác huyện Giồng Trôm	Ấp Tân Hòa, xã Tân Thanh; 0,57 ha	huyện Giồng Trôm		Bãi chôn lấp lộ thiên	2011		Đang hoạt động

Bảng 2. Các dự án xử lý chất thải rắn dự kiến thực hiện trên địa bàn tỉnh

TT	Tên dự án	Diện tích, quy mô, địa điểm	Công suất, công nghệ	Nguồn vốn đầu tư
1	Nhà máy xử lý rác sinh hoạt Mỏ Càyl Bắc	Xã Phước Mỹ Trung	24 tấn/ngày đêm, công nghệ đốt Nhật Bản	24 tỷ đồng từ nguồn xã hội hóa
2	Khu xử lý rác sinh hoạt Chợ Lách	Thị trấn Chợ Lách	1,5 tấn/giờ, công nghệ đốt Bamboo	3 tỷ đồng từ ngân sách
3	Khu xử lý rác sinh hoạt xã Châu Hòa (Giồng Trôm)	Xã Châu Hòa	500 kg/giờ, công nghệ đốt	Xã hội hóa
4	Nhà máy xử lý rác thải Thạnh Phú	7.143 m ² tại huyện Thạnh Phú	Chế biến phân hữu cơ	15 tỷ đồng từ nguồn xã hội hóa

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN
PHỤC VỤ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT HOÀN THÀNH ĐẾN
NĂM 2025, đến năm 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nhiệm vụ, dự án	Dự kiến kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Xây dựng, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách				
1.1	Điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre	-	Sở XD	Sở TC, Sở TNMT, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2020, 2023
1.2	Xây dựng định mức kỹ thuật, định mức kinh tế về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	-	Sở XD	Sở TC, Sở TNMT, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2020, 2023
1.3	Cập nhật, bổ sung quản lý chất thải rắn vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong có mạng lưới các trạm trung chuyển rác	200	Sở KHĐT	Sở XD, TNMT, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2020 - 2021
II	Xử lý ô nhiễm môi trường bãi rác các huyện, xã				
2.1	Xử lý ô nhiễm môi trường, đống của bãi rác xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm	3.000	UBND huyện Giồng Trôm	Các Sở: TNMT, XD, KHCN	2020 - 2022
2.2	Cải tạo, nâng cấp và xử lý ô nhiễm bãi rác thị trấn Chợ Lách	5.000	UBND huyện Chợ Lách	Các Sở: TNMT, XD, KHCN	2020
2.3	Cải tạo, nâng cấp và xử lý ô nhiễm bãi rác Ba Tri, Thạnh Phú và Bình	12.000	UBND các	Các Sở: TNMT, XD,	2020 -

	Đại		huyện	KHCN	2025
2.4	Xử lý ô nhiễm môi trường, đóng cửa bãi rác các cấp xã trên địa bàn các huyện trên tỉnh	40.000	UBND các huyện	Các Sở: TNMT, XD, KHCN	2020 - 2025
III	Đầu tư xây dựng mới khu xử lý rác thải				
3.1	Xây dựng bãi rác mới tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm	10.500	UBND huyện Giồng Trôm	Các Sở: TNMT, XD, KHCN	2020 - 2021
3.2	Xây dựng khu liên hợp xử lý rác thải tập trung, xử lý rác thải cho toàn tỉnh Bến Tre (hình thức xã hội hóa)	-	Sở XD	Sở TNMT, các sở, ban ngành, huyện.	2030
IV	Xây dựng các trạm trung chuyển rác				
4.1	Xây dựng trạm trung chuyển rác trên huyện Châu Thành (02 trạm)	10.000	UBND huyện Châu Thành	Sở TNMT, các sở, ban, ngành	2019 - 2025
4.2	Xây dựng trạm trung chuyển rác trên địa Tp Bến Tre (04 trạm)	12.000	UBND Tp Bến Tre	Sở TNMT, các sở, ban, ngành	2020 - 2025
4.3	Xây dựng trạm trung chuyển rác trên địa bàn các huyện (07 huyện gồm 21 trạm)	105.000	UBND các huyện	Sở TNMT, các sở, ban, ngành	2020 - 2025
V	Hỗ trợ thiết bị, phương tiện vận chuyển, thu gom và xử lý rác				
5.1	Hỗ trợ trang thiết bị thu gom, vận chuyển rác (thùng rác, xe đẩy rác)	45.000	UBND các huyện	Các Sở: TNMT, XD	2020 - 2025
VI	Phân loại rác thải tại nguồn				
6.1	Lập và triển khai đề án phân loại rác thải tại nguồn tỉnh Bến Tre (triển khai mô hình điểm tại các khu vực)	15.000	Sở TNMT	Sở XD, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2020 - 2025
6.2	Triển khai nhân rộng mô hình phân loại rác tại nguồn trên địa bàn huyện, thành phố	27.000	UBND các huyện, Tp	Sở: TNMT, XD, KHCN	2023 - 2025
VII	Về khoa học công nghệ trong quản				

	lý rác thải				
7.1	Nghiên cứu, ứng dụng, thẩm định khoa học công nghệ trong quản lý rác thải (phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý)	2.500	Sở KH-CN	Sở: TNMT, XD, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2020 - 2025
VIII	Truyền thông và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, quản lý rác thải; công tác thanh, kiểm tra chấp hành pháp luật về quản lý rác thải				
8.1	Truyền thông, tập huấn, giáo dục; phát động phong trào về bảo vệ môi trường, quản lý rác thải	5.000	Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện	-	Hàng năm (05 năm)
IX	Công tác thanh, kiểm tra chấp hành pháp luật về quản lý rác thải				
9.1	Hướng dẫn; thực hiện công tác thanh, kiểm tra về quản lý rác thải trên địa bàn tỉnh	2.500	Sở TNMT, CSMT, UBND cấp huyện, cấp xã	-	Hàng năm (05 năm)
X	Hỗ trợ bù giá cho các đơn vị thu gom, xử lý rác theo thỏa thuận hợp đồng quy định (thông qua chuyển kinh phí cho các huyện)				
10.1	Hỗ trợ bù giá cho các đơn vị thu gom, xử lý rác theo thỏa thuận hợp đồng quy định (thông qua chuyển kinh phí cho các huyện)	150.000	UBND các huyện, Tp	-	Hàng năm (05 năm)

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường 3, thành phố Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: congbaobentre@bentre.gov.vn;

Website: congbao.bentre.gov.vn